

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN TRÌNH BÁO MẤT GIẤY TỜ**

Kính gửi: Công an xã **Minh Thắng**.

Tôi tên: Vũ Quang Mạnh, Giới tính: Nam

Sinh ngày 24/08/1984

Quê quán: Xuân Lai, Gia Bình, Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Tự do

CCCD, CMND số: 0270840074250, ngày cấp: 25/04/202, Nơi cấp: Cục C06 –

BCA

Thường trú tại số: Kp. Bình Phước B, P. Bình Chuẩn, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương

Kính trình CAX Minh Thắng, vào ngày 16/11/2023 trên đường đi từ khu vực ấp 7 xã Minh Thắng ra phòng Tài Nguyên và MT để đăng bộ sang tên đổi chủ. Tôi có đánh rơi tập hồ sơ trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng tại xã Minh Thắng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Sở đất mang tên: Quách Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Nhiễm, KHTT: Kp 2, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 085701, số vào sổ CS 06573 ngày cấp 28/02/2022 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp

Thửa đất số: 361; tờ bản đồ số: 06

Diện tích: 5660.6

Địa chỉ: Ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Nay tôi làm đơn này kính trình Công an xã Minh Thắng xác nhận cho tôi có đến trình báo về việc mất Giấy CNQSDĐ.

Tôi xin cam đoan giấy chứng nhận trên không cầm cố, thế chấp hoặc không bị cơ quan có thẩm quyền nào khác thu giữ.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Minh Thắng, ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Người viết đơn

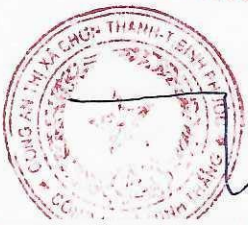
**XÁC NHẬN CỦA  
CAX MINH THẮNG**

Ông Vũ Quang Mạnh SH: 24/08/1984

KHTT: Kp Bình Phước B - Bình Chuẩn - Thuận An - Bình Dương

Có trình báo CAX Minh Thắng về việc mất giấy tờ ngày 16/11/2023 là đúng

**PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN**



*Luur*

*Từ*  
*Quách Văn Tiến*  
*Vũ Quang Mạnh*  
*Nguyễn Thị Nhiễm*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN HƯNG

Số: 25 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Hưng, ngày 08 tháng 4 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**VỀ VIỆC MẤT GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2024, Ông Quách Văn Tiến - SN: 1976.

CCCD số : CCCD: 070076005795. bà Nguyễn Thị Nhiễm.

Hộ khẩu TT: Tổ 3, ấp 2, xã Minh Thành, T.X Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đã đến tại UBND xã Tân Hưng, trình báo mất GCNQSDĐ Số vào sổ cấp GCN: CS 06573; Số phát hành ĐĐ 085701 Thuộc thửa đất sau:

Thửa 380 (361), tờ bản đồ số 09 (06) với diện tích 5663.9 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm.

Tọa lạc tại: ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Khoản 1, Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Nay UBND xã Tân Hưng tiến hành niêm yết Thông báo công khai mất GCNQSDĐ mang tên Ông Quách Văn Tiến bà Nguyễn Thị Nhiễm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại UBND xã, Trang Thông tin ĐT xã Tân Hưng, KDC ấp Sóc Quả, xã Minh Thành, T.X Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hết thời gian nêu trên, nếu không có sự khiếu nại nào, thì UBND xã Tân Hưng sẽ tiến hành lập thủ tục cấp lại GCNQSDĐ cho Ông Quách Văn Tiến bà Nguyễn Thị Nhiễm theo quy định của pháp luật.

Mọi thắc mắc về sau sẽ không được giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TN&MT huyện;
- Ban ấp Sóc Quả;
- UBND xã Minh Thành;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Ngô Trọng Tường*

# TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số: 3718/TL-BĐĐC

1. Số hiệu thửa đất: 380 (361 CŨ) ; Tờ bản đồ địa chính số: 09 (06)  
Địa chỉ thửa đất: ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

2. Diện tích: 5663,9 m<sup>2</sup>

3. Mục đích sử dụng: CLN

4. Tên người sử dụng đất: ông Quách Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Nhiễm

Địa chỉ thường trú: ấp 2, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý:

Căn cứ bản đồ địa chính chính quy ký duyệt ngày 12/9/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước thì:

- Tờ bản đồ số 06, thửa số 361, diện tích 5660,6m<sup>2</sup>; nay thành tờ số 09, thửa số 380, diện tích 5663,9m<sup>2</sup>

- Diện tích thửa đất tăng 3,3m<sup>2</sup> do biến động ranh

- Diện tích HLBVĐB tăng 8,2m<sup>2</sup> do biến động ranh, cắt lại HLBVĐB

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Sơ đồ thửa đất

6.2. Chiều dài cạnh thửa

Tỷ lệ: 1/2000



| Từ đỉnh | đến đỉnh | Chiều dài (m) |
|---------|----------|---------------|
| 1       | 2        | 3,35          |
| 2       | 3        | 167,24        |
| 3       | 4        | 33,68         |
| 4       | 5        | 3,44          |
| 5       | 6        | 146,45        |
| 6       | 7        | 4,94          |
| 7       | 8        | 6,21          |
| 8       | 1        | 28,06         |

6.3. Vị trí thửa đất



\* Ghi chú: Trích lục bổ túc hồ sơ cấp lại GCNQSDĐ lần 1 66 (tờ số 44)

1) 600,9m<sup>2</sup> thuộc HLBV đường bộ

2) Thửa đất thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm theo quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước

\* Trích lục này được thực hiện theo bản đồ địa chính chính quy ký duyệt ngày 12/9/2023 của Sở tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước (đính kèm GCN số ĐĐ 085701)

\* Trích lục theo hồ sơ số 231213-0044/TTPVHCC, Đính kèm phiếu trả hồ sơ và hướng dẫn số 2407 ngày 20/12/2023

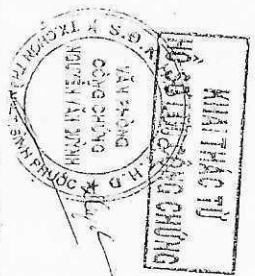
| NGƯỜI TRÍCH LỤC<br>(ký, ghi rõ họ và tên) | NGƯỜI KIỂM TRA<br>(ký, ghi rõ họ và tên) | CN VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI<br>HUYỆN HỚN QUẢN<br>(Ký tên, đóng dấu) |
|---|--|--|
| Ngày 20 tháng 12 năm 2023                 | Ngày 20 tháng 12 năm 2023                | Ngày 29 tháng 12 năm 2023  |
|   |  |  |
|   |  |  |

1. LƯU GIỮ, NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẦN HẸN YOI ĐAI

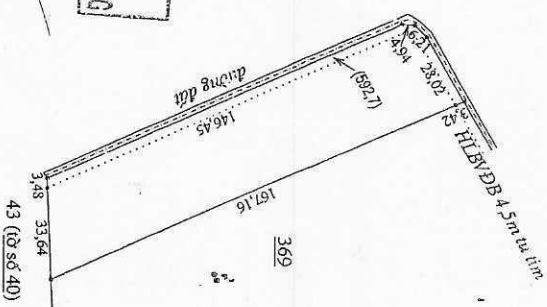
**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 361, tờ bản đồ số: 06
  - b) Địa chỉ: Ấp Sóc Quà, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
  - c) Diện tích: 5660,6m<sup>2</sup> (bằng chữ năm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu mét vuông);
  - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng;
  - đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm;
  - e) Thời hạn sử dụng: Sử dụng đất đến ngày 24/05/2050;
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- 2. Nhà ở: -/-
  - 3. Công trình xây dựng khác: -/-
  - 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
  - 5. Cây lâu năm: -/-
  - 6. Ghi chú:  
592,7m<sup>2</sup> thuộc HLBV đường bộ.

1. LƯU GIỮ, NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẦN HẸN YOI ĐAI



Tỷ lệ: 1:2000



Bình Phước, ngày... tháng... năm 2022

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC  
TUỢ, GIÁM ĐỐC SỞ**

**PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC**



*Nguyễn Văn Quỳnh*

Số vào sổ cấp GCN: CS.065.73.

|  |                      |
|--|----------------------|
| 1. NỘI DUNG THAY ĐỔI VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ. | Xác nhận của cơ quan |
|  |                      |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG  
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Chúng tôi gồm:

**BÊN CHUYỂN NHƯỢNG** (Dưới đây gọi là bên A):

**Ông** : **Quách Văn Tiến**

Sinh năm : **1976**

Căn cước công dân số: **0700 7600 5795** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/07/2021

Cùng vợ là bà : **Nguyễn Thị Nhiệm**

Sinh năm : **1980**

Căn cước công dân số: **0701 8000 0299** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/04/2021

Cùng thường trú tại: tổ 3, ấp 2, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG** (Dưới đây gọi là bên B):

**Ông** : **Vũ Quang Mạnh**

Năm sinh : **1984**

Căn cước công dân số: **0270 8400 4250** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2022

Thường trú tại: khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

*Hai bên tự nguyện cùng nhau lập và ký bản hợp đồng này để thực hiện việc chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với những điều khoản như sau:*

**ĐIỀU 1**

**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYỂN NHƯỢNG**

1.1. Đối tượng chuyển nhượng quy định tại Hợp đồng này là toàn bộ quyền sử dụng đất theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số **ĐĐ 085701** số vào sổ cấp GCN số **CS 06573** do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/02/2022 và theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất do chi nhánh VPĐK đất đai huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước lập ngày 15/08/2022. Cụ thể như sau:

- Thửa đất số : 361
- Tờ bản đồ số : 06
- Địa chỉ thửa đất : ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- Diện tích: 5660,6m<sup>2</sup> (bằng chữ: năm nghìn sáu trăm sáu mươi phẩy sáu mét vuông),
- Hình thức sử dụng : Sử dụng riêng,
- Mục đích sử dụng : Đất trồng cây lâu năm;
- Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 24/05/2050;
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSĐĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- Ghi chú: có 592,7m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ;

1.2. Bằng Hợp đồng này, Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Quyền sử dụng đất được nêu trên.

## ĐIỀU 2

### GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: **600.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Sáu trăm triệu tiền Việt Nam đồng). Giá chuyển nhượng nêu trên chưa bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí có liên quan phát sinh từ Hợp đồng này.

2.2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt và được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng.

Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Bên A ngay sau khi ký kết Hợp đồng này (địa điểm giao nhận tiền là do hai bên tự thỏa thuận).

## ĐIỀU 3

### VIỆC GIAO VÀ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Bên A có nghĩa vụ giao toàn bộ diện tích đất chuyển nhượng tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng giấy tờ về chuyển nhượng đất cho Bên B vào thời điểm ngay sau khi ký kết hợp đồng này.

3.2. Bên B có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3.3. Việc giao toàn bộ diện tích đất chuyển nhượng và giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## ĐIỀU 4

### VIỆC NỘP THUẾ VÀ LỆ PHÍ

Hai bên thỏa thuận toàn bộ các loại thuế, phí và lệ phí liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

## ĐIỀU 5

### CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

#### 5.1. Bên A cam đoan

Quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 thuộc quyền sử dụng riêng và hợp pháp của Bên A.

Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật. Giấy tờ ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này là bộ giấy tờ duy nhất chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của Bên A đối với thửa đất nêu trong Hợp đồng.

Quyền sử dụng đất chuyển nhượng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng thuộc trường hợp được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, diện tích đất chuyển nhượng nêu trên không bị ràng buộc hoặc hạn chế chuyển nhượng bởi các việc: Chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho mượn, hứa bán, cầm cố, thế chấp, kê khai làm vốn doanh nghiệp hoặc các hạn chế chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật; không có bất kỳ một sự tranh chấp gì, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hay bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Tự chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp quyền sử dụng đất có tranh chấp, bị kê biên để thi hành án, để chấp hành Quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, dùng để đảm bảo nghĩa vụ hoặc vi phạm những cam kết quy định tại Hợp đồng này và không có khiếu nại, khiếu kiện gì về việc Công chứng viên chứng nhận Hợp đồng này trong trường hợp nêu trên.

Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này chưa nhận được bất kỳ một thông báo nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thửa đất được mô tả tại Điều 1 của Hợp đồng này nằm trong diện quy hoạch phải di dời để giải tỏa mặt bằng hoặc nằm trong hành lang bảo vệ an ninh quốc phòng.

Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Hợp đồng này.

Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

### 5.2. Bên B cam đoan:

Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật. Số tiền sử dụng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này có nguồn gốc hợp pháp và thuộc quyền sở hữu riêng, trọn vẹn của Bên B.

Đã xem xét kỹ, biết rõ về Quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất và cam đoan tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung mình đã xem xét.

Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Hợp đồng này.

Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

### 5.3. Hai bên cam đoan:

Đã cùng nhau xem xét tại chỗ hiện trạng thửa đất trên và khẳng định trên thực tế diện tích đất chuyển nhượng đúng như đã được miêu tả tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trong Hợp đồng do hai bên tự xác định dựa trên giá thị trường cũng như nhu cầu và hoàn cảnh của nhau và không nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ dân sự nào.

Nếu có điều gì man trá, không minh bạch hoặc có sự giả mạo về hồ sơ, giấy tờ cung cấp cũng như các hành vi gian lận hay vi phạm pháp luật khác liên quan tới việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này thì hai bên xin tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm và hậu quả trước pháp luật mà không yêu cầu Công chứng viên ký tên dưới đây phải chịu trách nhiệm gì, không phải bồi thường khi công chứng Hợp đồng này.

## ĐIỀU 6

### PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 7

### ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

7.1. Hai bên đã được nghe Công chứng viên ký tên dưới đây giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên phát sinh từ Hợp đồng này theo quy định của pháp luật; Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

7.2. Hai bên đã tự đọc lại nguyên văn bản Hợp đồng này, đều hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng, đã ký tên và điểm chỉ (ngón trỏ phải) vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.

7.3. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày hai bên ký kết và được công chứng. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi được hai bên lập thành văn bản và có chứng nhận của Công chứng viên Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Quỳnh và chỉ được thực hiện khi Bên B chưa đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này./.

**BÊN CHUYỂN NHƯỢNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, điểm chỉ)

**BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, điểm chỉ)

Chúng tôi đã đọc và đồng ý.

Tôi đã đọc và đồng ý

61.

HỒN CHỨ VẤN C

NH-T

33

HỒN CHỨ ẮN Q

33

## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 25 tháng 08 năm 2022 (Bằng chữ: ngày hai mươi lăm, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai). Tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Quỳnh, số 37, Quốc lộ 14, ấp Hiếu Cảm, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tôi Nguyễn Văn Quỳnh, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

### CHỨNG NHẬN

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao kết giữa:

**BÊN CHUYỂN NHƯỢNG** (Dưới đây gọi là bên A):

Ông : **Quách Văn Tiến**

Sinh năm : **1976**

Căn cước công dân số: **0700 7600 5795** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/07/2021

Cùng vợ là bà : **Nguyễn Thị Nhiễm**

Sinh năm : **1980**

Căn cước công dân số: **0701 8000 0299** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/04/2021

Cùng thường trú tại: ấp 2, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG** (Dưới đây gọi là bên B):

Ông : **Vũ Quang Mạnh**

Năm sinh : **1984**

Căn cước công dân số: **0270 8400 4250** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2022

Thường trú tại: khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký và điểm chỉ hai bên giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Các bên cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này.
- Mục đích, nội dung thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng không vi phạm quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Những người giao kết đã tự đọc lại Hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung và ký, ghi rõ họ tên và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi; chữ ký trong hợp đồng này đúng là chữ ký của những người có tên nêu trên.
- Văn bản công chứng này được lập thành **02** bản chính (mỗi bản chính gồm **04** tờ, **04** trang) có giá trị pháp lý như nhau; giao cho: Bên B: **01** bản chính, Lưu tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Quỳnh, tỉnh Bình Phước **01** bản chính.

Số công chứng **09171**, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD

CÔNG CHỨNG VIÊN

**CHỨNG NHẬN**  
SAO ĐÚNG VỚI HỒ SƠ LƯU TRỮ  
Ngày: 20/11/2023



Nguyễn Văn Quỳnh



| Số thứ tự thửa đất | Tên người sử dụng, quản lý | Loại đối tượng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Mục đích sử dụng |           |         | Ghi chú  |                |                       |                |                     |
|--------------------|----------------------------|----------------|-----------------------------|------------------|-----------|---------|----------|----------------|-----------------------|----------------|---------------------|
|                    |                            |                |                             | Cấp GCN          | Quy hoạch | Kiểm kê | Chi tiết | Số thứ tự thửa | Nội dung thay đổi     | Số thứ tự thửa | Nội dung thay đổi   |
| (1)                | (2)                        | (3)            | (4)                         | (5)              | (6)       | (7)     | (8)      | (9)            | (10)                  | (11)           | (12)                |
| 359                | Nguyễn Văn Hùng            |                | 7708,0                      | CLN              |           |         | T2 313   | 366            | Đ.K.B.P.              | 359            | T2 7 Thửa 583 → 589 |
| 360                | Nguyễn Thị Ngọc Tiên       |                | 7708,0                      | CLN              |           |         | T2 313   | 366            | Cấp đ.đ.              | 360            | T2 7 Thửa 590 → 596 |
| 361                | Hà Văn Phi                 |                | 5660,6                      | CLN              |           |         | T2 188   | 362            | T2 Thửa 365, 365      | 361            | CN Quách Văn Tiên   |
| 362                | Đỗ Văn Cao                 |                | 28012,5                     | CLN              |           |         | T2 188   | 359            | CN Trần Văn Cảnh      |                |                     |
| 363                | Hoàng Nguyễn Sĩ Chính      |                | 7503                        | CLN              |           |         | T2 106   |                |                       |                |                     |
| 364                | Hoàng Nguyễn Sỹ Tiên       |                | 7507                        | CLN              |           |         | T2 106   |                |                       |                |                     |
| 365                | Ông Nguyễn Văn Địch        |                | 14661,2                     | CLN              |           |         | T2 106   |                |                       |                |                     |
| 366                | Mã Văn Trường Hữu Thuận    |                | 22847,7                     | CLN              |           |         | T2       | 365            | CN Nguyễn Đình Văn    |                |                     |
|                    |                            |                | 15,0                        | ONT              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 254                | Đông Trường Hữu Thuận      |                | 22482,7                     | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 117                | Trường Thủy Duyên          |                | 133,1                       | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 112                | Trường Ngọc Thuận          |                | 13879,9                     | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 202                | Nguyễn Thị Xuân            |                | 16123,9                     | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 170                | Nguyễn Văn Hòa             |                | 22270,7                     | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
|                    |                            |                | 18088,0                     | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
|                    |                            |                | 300,0                       | ONT              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 368                | Đỗ Văn Thuận               |                | 17288                       | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 369                | Đỗ Văn Ngọc Thuận          |                | 18007,5                     | CLN              |           |         | T2 362   |                |                       |                |                     |
| 373                | Đỗ Văn Ngọc Thuận          |                | 10005,0                     | CLN              |           |         | T2 362   |                |                       |                |                     |
| 374                | Nguyễn Thị Duyên           |                | 26617,5                     | CLN              |           |         | T2 326   | 373            | Trần Thị Ngọc Liên    | 373            |                     |
| 375                | Đỗ Văn Ngọc Thuận          |                | 25768,1                     | CLN              |           |         | T2 326   | 374            | Trần Thị Ngọc Liên    | 374            |                     |
| 230                | Phạm Ngọc Bảo              |                | 20027,0                     | CLN              |           |         | T2 326   | 357            | CN Trần Thị Ngọc Liên | 374            | HT Thước Thước      |
|                    |                            |                | 16015,7                     | CLN              |           |         | T2 109   |                |                       |                |                     |
|                    |                            |                | 150                         | ONT              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 231                | Lê Hữu Hợp                 |                | 15865,7                     | CLN              |           |         | T2 109   |                |                       |                |                     |
| 376                | Vũ Thị Hiệp                |                | 10005,0                     | CLN              |           |         | T2 216   | 376            | CN Trần Thị Kim Anh   |                |                     |
|                    |                            |                | 6340,4                      | ONT              |           |         |          |                |                       |                |                     |
|                    |                            |                | 300                         | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 378                | Đào Thị Duyên              |                | 6010,4                      | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
| 388                | Bà Ngọc Thị Kính           |                | 16369,5                     | CLN              |           |         | HT 9576  |                |                       |                |                     |
| 377                | Mai Văn Thành              |                | 10438                       | CLN              |           |         | 253,248  |                |                       |                |                     |
| 51                 | Mỹ Thị Hồng Vân            |                | 10011,9                     | CLN              |           |         | T2 216   |                |                       |                |                     |
| 52                 | Mỹ Thị Hồng Vân            |                | 2695,7                      | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |
|                    |                            |                | 3699,5                      | CLN              |           |         |          |                |                       |                |                     |

Head + 581

597

57)

